

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NÀ BÚNG
TRƯỜNG MẦM NON NÀ BÚNG

KẾ HOẠCH

**Thực hiện quy chế công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT
Năm học 2025-2026**

Đơn vị: Trường mầm non Nà Búng

Số: 128 /KH-MNNB

Nà Búng, ngày 20 tháng 09 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Thực hiện quy chế công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT
Năm học 2025-2026**

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân”;

Căn cứ vào công văn số 601/PGDDĐT, ngày 28 tháng 08 năm 2024 về việc triển khai thông tư 09/2024/TT-BGD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ điều kiện thực tế của đơn vị, Trường MN Nà Búng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy chế công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2022 – 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Thực hiện công khai cam kết của đơn vị về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để các thành viên trong trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

Việc thực hiện công khai đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của quy chế thực hiện công khai.

II. NỘI DUNG CÔNG KHAI

1. Công khai thông tin chung về cơ sở giáo dục

- Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).
- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).
- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.
- Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Số: 128 /KH-MNNB

Nà Búng, ngày 20 tháng 09 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Thực hiện quy chế công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT
Năm học 2025-2026**

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân”;

Căn cứ vào công văn số 601/PGDDT, ngày 28 tháng 08 năm 2024 về việc triển khai thông tư 09/2024/TT-BGD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ điều kiện thực tế của đơn vị, Trường MN Nà Búng xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quy chế công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2022 – 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Thực hiện công khai cam kết của đơn vị về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để các thành viên trong trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

Việc thực hiện công khai đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của quy chế thực hiện công khai.

II. NỘI DUNG CÔNG KHAI

1. Công khai thông tin chung về cơ sở giáo dục

- Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).
- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).
- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.
- Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Tổ chức bộ máy:
- + Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);
- + Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;
- + Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;
- + Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;
- + Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);
- + Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).
- Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;

2. Công khai thu, chi tài chính.

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

3. Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non.

- Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên; 54
- + Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;
- + Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp;
- + Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.
- Thông tin về cơ sở vật chất:
- + Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- + Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- + Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
- + Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.
- Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:
- + Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;
- + Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.
- Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:
- + Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;
- + Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục;
- + Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

4. Công khai kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non.

- Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:
- + Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;
- + Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;
- + Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội;
- + Thực đơn hằng ngày của trẻ em;
- + Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có).
- Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

- + Tổng số trẻ em; 837 tổng số nhóm, 30 lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép);
- + Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có);
- + Số trẻ em học 02 buổi/ngày; 837
- + Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; 837
- + Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ; 837/837
- + Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi; 197/197

+ Số trẻ em khuyết tật. 1

III. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Hình thức công khai:

- Công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục
- Công công khai trong Hội đồng sư phạm nhà trường, công khai trước toàn thể phụ huynh; các biểu mẫu công khai được niêm yết ở văn phòng trường, bảng tin của trường để thuận tiện cho mọi người theo dõi.

2. Thời điểm công khai: Thực hiện vào tháng 9 hàng năm, cập nhật đầu năm học hoặc khi có sự thay đổi nội dung liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai theo quy định.

Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai tại đơn vị.

Trên đây là kế hoạch thực hiện quy chế công khai theo Thông tư 09/2024/TT- BGD&ĐT ngày 03/06/2024 của Trường Mầm non Nà Bùng trong năm học 2024-2025. Trường Mầm non Nà Bùng cam kết thực hiện đúng nội dung kế hoạch đã đề ra để xây dựng nhà trường đoàn kết, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học.

Nơi nhận:

- Phòng GD (B/c);
- Nhà trường (T/h)

HIỆU TRƯỞNG



Lương thị Thuận

Nà Búng, ngày 20 tháng 09 năm 2025

CÔNG KHAI

Thực hiện Thông tư 09/TT/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 về Quy định công khai trong các hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường Mầm non Nà Búng công khai hoạt động của nhà trường trong năm học 2025-2026 như sau:

A. Mục 1 CÔNG KHAI CHUNG

ĐIỀU 4: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

- Tên cơ sở giáo dục:** Trường mầm non Nà Búng
- Địa chỉ trụ sở:** bản Nà Búng 3, xã Nà Búng, tỉnh Điện Biên
- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu:** Cơ sở giáo dục công lập
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:**

* Sứ mệnh:

Sứ mệnh của mầm non mầm non Nà Búng là xây dựng môi trường học tập hạnh phúc lấy trẻ làm trung tâm. Học sinh được: “Học tập sáng tạo- Rèn luyện chăm ngoan - Vui chơi lành mạnh”. Phát triển theo phương châm “Trẻ là trung tâm trong quá trình nuôi dạy” để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh, lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những người công dân tốt.

* Tầm nhìn

Trường mầm non Nà Búng xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

Xây dựng hệ thống trường lớp đạt chuẩn Quốc gia về giáo dục và nuôi dưỡng, giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất cũng như kỹ năng sống của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trẻ không ngừng phát triển các mối quan hệ tự nhiên và xã hội xung quanh mình, từ đó kích thích sự tò mò, ham thích khám phá, mong muốn tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ, điều này giúp trẻ tiếp thu kiến thức một cách tự

nhien, có khả năng tư duy sáng tạo, phát triển về kiến thức, nhân cách một cách toàn diện.

*** Mục tiêu của cơ sở giáo dục**

- Trẻ phát huy tính tự lập và tự học.
- Trẻ tự tin thể hiện cá tính và năng lực của bản thân
- Trẻ hình thành tính tự kỉ luật cho bản thân.
- Trẻ biết cách tôn trọng bản thân, môi trường và những người xung quanh.
- Trẻ phát triển khả năng làm việc nhóm, biết cách hợp tác, chia sẻ cùng hướng tới thành công.
- Trẻ học được cách nuôi dưỡng các mối quan hệ và thúc đẩy tình yêu thương, sự tin tưởng lẫn nhau.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường mầm non Nà Búng được thành lập vào năm 2006 theo Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 26/11/2026 của UBND huyện Mường Nhé. Khi mới thành lập trường được xây dựng tại bản Nà Búng 3, sau một thời gian do diện tích chật hẹp được sự quan tâm của các cấp các ngành trung tâm Trường được xây dựng kiên cố tại Nà Búng 3, trường mầm non Nà Búng được duy trì và phát triển cho đến ngày nay.

Khi mới thành lập, Trường mầm non Nà Búng xây dựng 9 điểm trường, 01 điểm trường trung tâm, 08 điểm trường Bản. Từ khi thành lập trường mầm non Nà Búng cho đến nay nhà trường còn gặp rất nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, từ các lớp học là nhà tạm bằng gỗ, đến nay nhà trường được ban giao 37 phòng học, phòng chức năng, văn phòng, phòng Hiệu Trưởng, Phó Hiệu trưởng... được xây dựng bán kiên cố và kiên cố, khang trang sạch đẹp.

Trải qua 3 thế hệ Hiệu trưởng đến nay trường mầm non Nà Búng, luôn đi đầu trong các hoạt động và phong trào, luôn đạt được các thành tích cao qua các năm học.

Trường mầm non Nà Búng được công nhận Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 vào năm 2021

Hàng năm nhà trường luôn nhận được sự quan tâm động viên của cấp ủy và lãnh đạo xã - Hội đồng nhân dân- UBND xã đặc biệt là sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo và chuyên môn phòng văn hoá xã cùng với sự nỗ lực cố gắng phấn đấu của tập thể đội ngũ giáo viên, các bậc phụ huynh học sinh đã giúp đỡ nhà trường luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao được chủ tịch UBND tỉnh tặng nhiều Bằng khen, cờ thi đua xuất sắc của thủ tướng chính phủ.

6. Thông tin người đại diện

Họ và tên: Lương Thị Thuận

Chức vụ: Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non Nà Búng, xã Nà Búng, tỉnh Điện Biên

Số điện thoại: 0839307826

Địa chỉ gmail: thuanmnlb88gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

- Xác nhận thành lập trường
- Quyết định kiện toàn hội đồng trường
- Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng
- Quy chế hoạt động; Sơ đồ tổ chức bộ máy; quyết định phân công nhiệm vụ

8. Các văn bản khác

- Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn
- Nghị quyết hội đồng trường
- Quy chế chi tiêu nội bộ
- Kế hoạch tuyển sinh
- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học
- Quy chế dân chủ
- Quy chế phối hợp

Nà Búng, ngày 20 tháng 9 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Lương Thị Chuẩn

Nà Búng, ngày 20 tháng 09 năm 2025

CÔNG KHAI

Thực hiện Thông tư 09/TT/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 về Quy định công khai trong các hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

Trường Mầm non Nà Búng công khai hoạt động của nhà trường trong năm học 2025-2026 như sau:

A. Mục 1 CÔNG KHAI CHUNG

II. Điều 5: THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của Trường mầm non Nà Búng năm 2025

a. Các khoản thu

- Trục trua 3.000/1 ngày
- Đồ dùng vệ sinh 90.000/1 năm

b. Các khoản chi thường xuyên

- Tiền lương của CBGVNV (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho CBQL,gv, nv) 27 người.

Số tiền 265.000.000đ/1năm

- Chi cơ sở vật chất dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành CSVC, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho HĐ GD, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ...): không có
- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua khen thưởng): không có

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo

- Học phí: Năm học 2025-2026

Nhà trường không thực hiện thu

Nhà trường không thực hiện thu

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Kinh phí cấp bù MGHP: 0

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

Nà Búng, ngày 20 tháng 09 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



[Handwritten signature]

Lường Thị Thuần

Nà Búng, ngày 20 tháng 09 năm 2025

CÔNG KHAI

Thực hiện Thông tư 09/TT/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 về Quy định công khai trong các hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường Mầm non Nà Búng công khai hoạt động của nhà trường trong năm học 2025-2026 như sau:

B. Mục 2 CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON

I. Điều 6: ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng CBQL, giáo viên và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo:

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên				23						
I	Cán bộ quản lý	3			3						
1	Hiệu trưởng	1			1						
2	Phó hiệu trưởng	2			2						
II	Giáo viên	51			51						
1	Nhà trẻ	19			5	14					
2	Mẫu giáo	32			16	16					
III	Nhân viên	6									
	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	1					1				
1	Văn thư										
2	Kế toán	1					1				
3	Thủ quỹ										
4	Thư viện	1									
	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	2					1	1			

1	Y tế	1					1			
2	Nhân viên Bảo vệ	1						1		
3	Nhân viên Phục vụ									
4	Nhân viên Nấu ăn									

b) Số lượng, tỷ lệ CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Tổng số	Chuẩn nghề nghiệp			
			Tốt	Khá	TB	Kém
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	54	20	34		
I	Cán bộ quản lý	3	3			
1	Hiệu trưởng	1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2	2			
II	Giáo viên	51	17	34		
1	Nhà trẻ	18	5	13		
2	Mẫu giáo	33	12	21		
Tổng cộng		54	20	34		
Tỷ lệ %			37	62,9		

c) Số lượng, tỷ lệ CBQL, Gv hoàn thành BDTX hàng năm

STT	Nội dung	Tổng số	Bồi dưỡng thường xuyên	
			Hoàn thành	Không hoàn thành
	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	54	54	
I	Cán bộ quản lý	3	3	
1	Hiệu trưởng	1	1	
2	Phó hiệu trưởng	2	2	
II	Giáo viên	51	51	
1	Nhà trẻ	18	18	
2	Mẫu giáo	33	33	
Tổng cộng		54	54	
Tỷ lệ %			100	

2. thông tin về cơ sở vật chất

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích xây dựng trường: 6.434 m²

- Diện tích bình quân tối thiểu cho 01 trẻ em 14,2m²/trẻ

Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 trẻ của trường	Yêu cầu tối thiểu theo quy định (theo 2a Điều 5, chương II Thông tư 13)	So sánh đối chiếu với yêu cầu tối thiểu quy định
14,2 m ² /trẻ	12m ² /trẻ	Đạt

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Tên phòng	Hiện trạng	Yêu cầu tối thiểu	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
I	Khối phòng hành chính, quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	15 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	12-15m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
2	Phòng Phó Hiệu trưởng 1	15 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	10-12m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
3	Phòng Phó Hiệu trưởng 2	10 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	10-12m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
4	Văn phòng trường	45 m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	30m ² , đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành	Đạt
5	Phòng cho nhân viên	16 m ² , có giường tầng, tủ để đồ cá nhân	16m ² , có giường tầng, tủ để đồ cá nhân	Đạt
6	Phòng bảo vệ	6m ² , đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi	6m ² , đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi	Đạt
7	Khu vệ sinh cho giáo viên, cán bộ, nhân viên	12m ² /2 khu	9m ² /khu	Đạt

8	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	50 m ²	Có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên	Đạt
II	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em			
1.1	Phòng nuôi dưỡng, CSGD trẻ			
	Khu sinh hoạt chung	1.260m ² = 1,5 m ² /trẻ	1,50m ²	Đạt
	Khu ngủ	1.260m ² = 1,5 m ² /trẻ	1.260m ² = 1,5 m ² /trẻ	
	Diện tích sân chơi (m ²)	0,5m ² /trẻ em	0,50m ²	Đạt
	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	120m ² = 0,4 m ² /trẻ em	0,40m ² /trẻ	Đạt
	Kho nhóm, lớp	6 m ²	6m ²	Đạt
2	Phòng GDTC, phòng GDNT	90m ² = 2m ² /trẻ	2m ² /trẻ	Đạt
3	Sân chơi riêng	762,5m ² = 2,7m ² /trẻ	1m ² /trẻ nhà trẻ 2m ² /trẻ MG	Đạt
III	Khối phòng tổ chức ăn			
1	Nhà bếp	87m ² = 0,31m ² /trẻ	0,3m ² /trẻ	Đạt
	Kho thực phẩm	12,4 m ²	10-12m ² /kho	Đạt
IV	Khối phụ trợ			

Thủ trưởng đơn vị

